



Pictogrammes agréments pays

EN 61643-11 Type 2, IEC 61643-1 **T2**,
IEC 60364-4-443, IEC 60364-5-534



Dòng điện phóng định mức (Imax)/ Dòng điện phóng danh định (In)	Network		Hệ thống tiếp đất	Độ rộng một mô đun 9mm	Up – (kV) Cấp điện áp bảo vệ (*)	Un – (V) Điện áp dây danh định	Uc – (V) Điện áp hoạt động liên tục tối đa
	DB123843						
	1P+N	3P+N					
10 kA / 5 kA							
iQuick PF	A9L16617	A9L16618	TT & TN-S	4	1.5	230	275
			TT & TN-S	10	1.5	230/400	275

(*) Chế độ bảo vệ chung (giữa pha/ đất và trung tính/đất) và chế độ bảo vệ khác (giữa pha và trung tính)

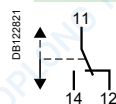
Phụ trợ từ xa

IEC 60947-5-1

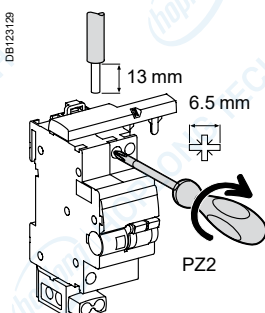
iSR phụ trợ từ xa cho phép điều khiển từ xa trạng thái hoạt động của iQuick PF



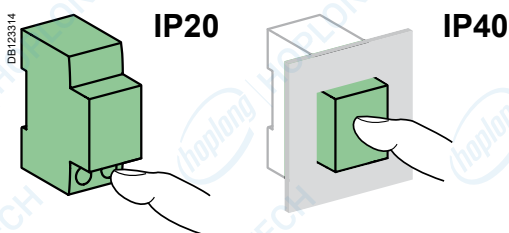
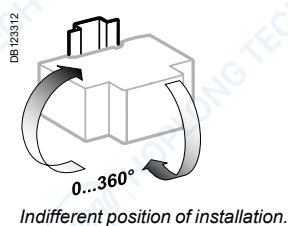
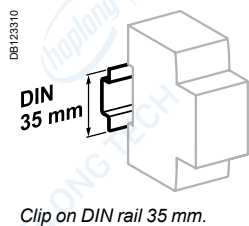
Phụ trợ				Độ rộng một mô đun 9mm
Kiểu	Tiếp xúc	Điện áp (Ue)		
iSR	3 A	415 V CA	A9L16619	1



Kết nối



Kiểu	Lực xiết chặt	Cáp đồng	
		Cứng	Mềm hoặc vòng sắt dẹt
iQuick PF	Ph / N	1 đến 16 mm ²	1 đến 16 mm ²
	⏚	10 đến 25 mm ²	10 đến 25 mm ²
iSR		16 mm ² max.	16 mm ² max.



Thông số kỹ thuật

Các đặc điểm chính

Tần số hoạt động	50 Hz
Điện áp hoạt động (Ue)	230/400 V AC
Khả năng ngắt tích hợp (Isc ở 50 Hz)	6 kA
Báo trạng thái	Bảng chỉ báo cơ màu trắng/ tay cầm BẬT Bảng chỉ báo cơ màu đỏ/ tay cầm TẮT
Thông báo hết hạn từ xa	Bởi phụ trợ iSR

Đặc điểm bổ sung

Cấp bảo vệ	Chỉ thiết bị	IP20
	Thiết bị bên trong vỏ bọc	IP40
Nhiệt độ hoạt động		-25°C đến +70°C
Nhiệt độ bảo quản		-40°C đến +80°C

Trọng lượng (g)

Chống sét lan truyền

Kiểu	iQuick PF
1P+N	370
3P+N	640

Kích thước (mm)

